TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HS-ST
Ngày 10-6-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Láng.

2. Bà Nguyễn Thị Nhiễu.

-***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2022/TLST - HS ngày 06 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST- HS ngày 30 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1986, tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Nguyễn Đức M và bà Nguyễn Thị G; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã số 04 ngày 05 tháng 6 năm 2013 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tạm giữ từ ngày 05 tháng 01 năm 2022 đến ngày 08 tháng 01 năm 2022 chuyển tạm giam, hiện đang bị đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V. *(có mặt)*

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D: Ông Phạm Hữu L, sinh năm 1965 và Ông Phạm Xuân T, sinh năm 1988 - Luật sư của Văn phòng luật sư Phạm Hữu L và Cộng sự - Đoàn luật sư tỉnhThái Bình.

(Ông L có mặt, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị hại:

1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

**** Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị M:*** Ông Phạm Văn T, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(theo Văn bản ủy quyền ghi ngày 29 tháng 01 năm 2022)

(Ông T có mặt, bà M vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Số nhà x, ngõ x, đường P, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định;

2. Chị Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: x/y, đường P, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Chị H, chị T đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình ông Phạm Văn T làm nghề kinh doanh vận tải hàng hóa. Tháng 10 năm 2012, Nguyễn Văn D được thuê lái xe ô tô tải cho gia đình ông Thuận. Giữa D và ông T không ký kết hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng. Công việc của D là mỗi ngày D đi 01 chuyến hàng, nhận tiền của gia đình ông T đi lấy hàng (gạch) trả tiền hàng, rồi chở hàng giao cho các địa điểm mà ông T đã yêu cầu từ trước, nhận tiền hàng và cước vận chuyển về trả cho ông T. Ông T đã giao tiền cho D 25 lần để đi lấy hàng, D đã nhận hàng, trả hàng và nhận tiền hàng, cước vận chuyển về trả cho ông T đầy đủ.

Khoảng 03 giờ, ngày 19/01/2013, do đã được ông T thông báo trước nên D đến bãi đỗ xe ở thị trấn V điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát 17C - 020.77 của gia đình ông T đến nhà ông T. D nhận từ bà Lê Thị M (vợ ông T) số tiền 130.000.000 đồng, ký xác nhận, rồi điều khiển xe ô tô đến Công ty cổ phần Viglacera H ở phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh lấy số lượng hàng như yêu cầu của ông T. D nhận hàng gồm ngói hài, gạch lát và gạch bậc thềm từ Công ty cổ phần Viglacera H và 02 hóa đơn bán hàng, D thanh toán hết

105.318.000 đồng cho Công ty cổ phần Viglacera H. Trong quá trình lái xe vào Công ty cổ phần Viglacera H, do sơ suất nên bánh sau xe ô tô chèn vào bồn hoa, bắn bê tông lên nóc nhà làm hỏng mái, nổ lốp, D phải thay lốp xe và bồi thường cho Công ty cổ phần Viglacera 3.500.000 đồng. Sau khi lấy hàng từ Công ty cổ phần Viglacera H, D điều khiển xe về tỉnh Nam Định, giao hàng và đưa 02 hóa đơn bán hàng cho chị Nguyễn Thị H là chủ Doanh nghiệp tư nhân H ở thành phố Nam Định. Chị H trả 108.000.000 đồng (gồm tiền hàng là 105.318.000 đồng và 5.130.000 đồng cước vận chuyển, để D mang về trả lại cho ông T, còn nợ lại ông T 2.448.000 đồng) D đã viết, ký vào giấy biên nhận "Ngày 20/01/2013 đã nhận đủ (108.000.000) một trăm lẻ tám triệu". Do lo sợ ông T yêu cầu phải trả tiền lốp xe và tiền bồi thường hỏng mái nhà của Công ty cổ phần Viglacera H nên đến 03 giờ 30 phút ngày 20 tháng 01 năm 2013, khi cất xe ô tô tại bãi gửi xe thị trấn V, D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông T nên cầm toàn bộ số tiền 129.182.000 đồng (gồm tiền hàng, cước vận chuyển là 108.000.000 đồng và 21.182.000 đồng tiền ông T đưa còn thừa) rồi bắt xe khách bỏ trốn vào thành phố H. Số tiền 129.182.000 đồng chiếm đoạt được, D sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 04 tháng 01 năm 2022, D bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ sự việc và hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của mình như nêu trên.

Kết luận giám định số 36/KL - KTHS ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận:

1. Các dòng chữ viết có nội dung:"Ngày 20/01/2013 đã nhận đủ 180.000.000 một trăm lẻ tám triệu Ng˜ Văn D" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Nguyễn Văn D trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M15 do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Ng˜ Văn D trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Nguyễn Văn D trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M15 do cùng một người ký ra.

Cáo trạng số 34/CT-VKSVT ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư đã truy tố Nguyễn Văn D về tội:*"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội:*"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

2. Xử phạt Nguyễn Văn D mức án từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 01 năm 2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo là lao động tự do, không có tài sản riêng và thu nhập không ổn định.

3.Về bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động cùng gia đình tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền 144.000.000 đồng. Bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* **Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX xem xét**:

Bị cáo có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự. Bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện khắc phục hậu quả; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn; ăn năn hối cải. Bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị hại tha thiết đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất nên áp dụng Điều 175; Điều 54; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo có cơ hội làm lại từ đầu.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội. Bị cáo xin lỗi bị hại, mong gia đình bị hại tha thứ, bỏ qua cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các chứng cứ buộc tội bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại là ông Phạm Văn T và bà Lê Thị M cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sao tin nhắn điện thoại di động ngày 17/4/2013 (sao nội dung tin nhắn giữa Nguyễn Văn D và ông Phạm Văn T trên điện thoại của ông Phạm Văn T); giấy biên nhận tiền ngày 20/01/2013; 02 hóa đơn (GTGT) ngày 19/01/2013 của Công ty cổ phần Viglacera H; Giấy ký nhận tiền ngày 19/01/2013; Biên bản làm việc ngày 19/01/2022 về việc thu mẫu chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn D; Biên bản làm việc ngày 19/01/2022 về việc niêm phong thẻ nhớ ghi âm lời khai của Nguyễn Văn D kèm theo là phong bì niêm phong thẻ nhớ; Biên bản làm việc lập ngày 25/02/2022 về việc xác định 02 hóa đơn GTTT ngày 19/01/2013; Kết luận giám định số 36/KL - KTHS ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, Biên bản ghi lời khai của chị Nguyễn Thị H, chị Phạm Thị Thùy T.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Lợi dụng sự tin tưởng của ông Phạm Văn T và bà Lê Thị M, khoảng 03 giờ 30 phút ngày 20 tháng 01 năm 2013, sau khi nhận được số tiền hàng, cước vận chuyển 108.000.000 đồng do chị Nguyễn Thị H trả cho ông T và 21.182.000 đồng là số tiền ông T đưa cho D còn thừa, D đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền 129.182.000 đồng bỏ trốn vào thành phố H để tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi của Nguyễn Văn D thực hiện vào thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành và có đủ yếu tố cấu thành tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, bị cáo bị bắt, khởi tố, truy tố và đưa ra xét xử khi Bộ luật Hình sự năm 2015 đang có hiệu lực thi hành. Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định mức cao nhất của khung hình phạt nhẹ hơn Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử bị cáo theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Văn D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản Nguyễn Văn D đã thực hiện đối với gia đình ông Phạm Văn T và bà Lê Thị M là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Lợi dụng sự tin tưởng của ông T và bà M nên sau khi giao hàng cho chị H và được chị H thanh thoán số tiền 108.000.000 đồng (gồm tiền hàng, cước vận chuyển) và 21.182.000 đồng là số tiền ông T đưa còn thừa, D không mang về để trả lại cho ông T và bà M mà nảy sinh ý định chiếm đoạt tổng số tiền 129.182.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn D có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Nguyễn Văn D đã thành khẩn khai báo, bị cáo cũng đã tự nguyện tác động cùng gia đình và tích cực bồi thường cho bị hại để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do vậy, bị cáo được 02 hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo D còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị hại tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo đồng thời có tác dụng chung trong việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*.

Xét thấy, bị cáo D lao động tự do và thu nhập không ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về bồi thường thiệt hại:

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động cùng gia đình và tích cực tự nguyện bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 144.000.000 đồng. Đại diện theo ủy quyền của bị hại là ông Phạm Văn T đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Xét việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, ông T cũng không có yêu cầu gì thêm về phần bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*

2. Về hình phạt: Xử phạt Nguyễn Văn D 02 (hai) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 01 năm 2022.

3. Về bồi thường thiệt hại: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, ông Phạm Hữu L, ông Phạm Văn Tvà bà Lê Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10 tháng 6 năm 2022).

Vắng mặt ông Phạm Xuân T. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận :
-Bị cáo; người bào chữa của bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND tỉnh Thái Bình,
- VKS nhân dân huyện V
- Công an huyện V
- Chi cục THADS huyện V
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở TP;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)